TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**1926**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/10/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

2. Bà Nguyễn Thị Bính Thân

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Luy - Thư ký Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên toà: Bà Phan Hoàng Anh - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số 1223/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/7/2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 350/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **T T H**, sinh năm 1981

Cư trú: 28/20 khu phố T P, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông **N C T**, sinh năm 1979

Cư trú: 148/74 N, phường B, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2019, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, nguyên đơn- bà T T H trình bày:

Năm 2011, tôi và ông N C T tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường B, quận Bình Thạnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2016 xảy ra nhiều mâu thuẫn do chồng tôi cứ làm nợ rồi tôi phải trả nợ cứ lặp đi lặp lại nhiều lần, ông T đi làm nhưng không đưa tiền phụ với tôi lo cho con cho gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau nhưng không to tiếng nên không có can thiệp của chính quyền địa phương. Năm 2016, tôi và ông T đã ly thân với nhau, tôi đã dọn ra ngoài ở riêng tại địa chỉ số 28/20 khu phố T P, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương cho đến nay.

Nay tôi nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và tôi không còn tình cảm với ông T nữa. Tôi xin được ly hôn với ông N C T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên N B P, sinh ngày 18/11/2013. Tôi yêu cầu là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ N B P. Tôi đủ điều kiện kinh tế để nuôi con nên không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - ông N T C trình bày: Năm 2011, tôi và bà T T H tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường B, quận Bình Thạnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau, đến năm 2016 thì ly thân do tôi cờ bạc dẫn đến nợ nần và tôi cũng cố gắng để trả hết nợ. Từ năm 2011 đến năm 2016 chúng tôi đã ly thân, tôi sống với cha mẹ tôi tại địa chỉ 148/74 N, phường B, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh. Thời gian ly thân tôi có về thăm vợ con ở Bình Dương, nhưng vợ vẫn cằn nhằn không thoải mái, không bỏ qua những lỗi lầm của tôi, hiện nay tôi đang cố gắng sửa sai để gia đình tôi được bên nhau. Nay bà H yêu cầu ly hôn với tôi thì tôi không đồng ý ly hôn vì tôi còn thương vợ, tôi mong muốn vợ tôi cho tôi thời gian để sửa đổi hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên N B P, sinh ngày 18/11/2013. Trường hợp ly hôn tôi đồng ý cho bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ N B P. Bà H không yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con nên tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn: Ngày 08/10/2019 có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với bị đơn; yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là trẻ N B P, do đủ điều kiện kinh tế để nuôi con nên không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Toà án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu:

- *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:* Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa; Việc gửi, cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; thời hạn giải quyết vụ án và thời hạn mở phiên tòa sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử tuân thủ quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 4 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:*

Đối với nguyên đơn: Từ khi nộp đơn khởi kiện đến phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn: Từ khi vụ án được thụ lý đến phiên tòa hôm nay, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn phải đóng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa bà T T H và ông N C T là tranh chấp về Ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình; bị đơn cư trú tại quận Bình Thạnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Bình Thạnh.

2. Về thủ tục tố tụng:

Toà án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn đến Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, xét xử vụ án. Phiên toà được mở lần thứ 02 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Việc bị đơn vắng mặt không làm ảnh hưởng đến nội dung tranh chấp nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

3. Về yêu cầu của nguyên đơn :

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 74/2011, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường B, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/6/2011 thể hiện hôn nhân giữa bà T T H và ông N C T là hợp pháp.

Nay nguyện vọng của bà H muốn ly hôn với ông T, Hội đồng xét xử xét: Hôn nhân là việc nam nữ tự nguyện thương yêu và xây dựng hạnh phúc gia đình trong đó cả hai cùng chung tay vun đắp cho hạnh phúc chung, tin tưởng và cùng nhau vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa bà H và ông T trong thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2016 xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông T vay nợ bà H phải trả nợ nhiều lần, ông T đi làm nhưng không phụ tiền lo cho vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm 2016, bà H và ông T đã ly thân với nhau, bà H đã dọn ra ngoài ở riêng tại địa chỉ số 28/20 khu phố T P, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Vào tháng 4/2019 bà H có nộp đơn yêu cầu được ly hôn với ông T tại Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, nhưng

sau đó bà H đã rút đơn để tạo cơ hội cho ông T sửa chữa và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, ông T vẫn không thay đổi gì, nên bà H đã nộp lại đơn yêu cầu ly hôn với ông T. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông T mong muốn hàn gắn đoàn tụ nhưng Tòa án triệu tập ông T nhiều lần đến Tòa để hòa giải nhưng ông T vẫn không đến Tòa, do đó không thể tiến hành hòa giải hàn gắn được. Do ông T đã tự từ bỏ quyền tranh tụng tại toà để bảo vệ quyền lợi cho mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét nguyện vọng đoàn tụ của ông T. Đồng thời bà H vẫn giữ nguyện vọng xin được ly hôn với ông T vì không còn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 326/2013, quyển số 02/2013 do Ủy ban nhân dân phường B, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/11/2013 cho trẻ N B P, sinh ngày 18/11/2013 thể hiện cha là ông N C T và mẹ là bà T T H, như vậy có cơ sở xác định giữa bà H và ông T có một con chung là trẻ N B P, sinh ngày 18/11/2013. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà đủ điều kiện kinh tế nuôi dưỡng con nên không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai của ông N C T trình bày: Có 01 con chung tên N B P, sinh ngày 18/11/2013. Trường hợp ly hôn tôi đồng ý cho bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ N B P. Do bà H không yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con nên tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Tại Đơn xin xác nhận ngày 16/7/2019 của bà T T H thể hiện: Công an phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương xác nhận đương sự T T H, sinh năm 1981 và N B P, sinh năm 2013 hiện có đăng ký tạm trú tại địa chỉ 28/20 khu phố T P, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Hội đồng xét xử xét: Hiện nay trẻ N B P, sinh ngày 18/11/2013 đang học tập và sinh sống cùng mẹ là bà H tại 28/20 khu phố T P, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương, đồng thời ông T cũng đồng ý giao trẻ P cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên yêu cầu của bà H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn và yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4 .Về án phí: Bà T T H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà T T H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T T H được ly hôn với ông N C T.

- Về con chung: Giao con chung là trẻ N B P, sinh ngày 18/11/2013 cho bà T T H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, bà H và ông T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà T T H phải đóng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021222 ngày 03/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Việc thi hành án được thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND TP. HCM;
-VKSND quận Bình Thạnh;
-THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- UBND Phường B, quận Bình Thạnh;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà